

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2017

V/v: “Ly hôn giữa Bà O và Ông D”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Si Phal

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kim

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện U M Txét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 96/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 41, tổ 2, ấp VT, xã HC, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 41, tổ 2, ấp VT, xã HC, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/6/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày: Bà O và Ông D được người thân mai mối, đi đến tổ chức lễ cưới năm 1984, có đăng ký kết hôn trễ hạn và được UNBD xã VH, huyện VT (nay là huyện U M T) tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/01/2002.

Lý do Bà O yêu cầu xin ly hôn: Bà O cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử hàng ngày, cuộc sống vợ chồng không hoà hợp. Nguyên nhân là do quá trình chung sống Ông D thiếu quan tâm, thiếu trách nhiệm với vợ, con; tính tình nóng nảy, thường xuyên uống rượu và nhiều lần có hành vi bạo lực đối với Bà O, có lần Ông D đánh Bà O ngất xỉu, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay, Bà O đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng Ông D không

thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm. Thấy chung sống không hạnh phúc nên đôi bên đã ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay.

Về con chung: Có 03 người con tên Trần Thị H, sinh năm 1984; Trần Chí N, sinh năm 1986 và Trần Chí H, sinh năm 1991. Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà O và Ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà O xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Văn D trình bày:* Ông D xác nhận về quan hệ hôn nhân Ông D và Bà O được người thân mai mối, đi đến tổ chức cưới vào năm 1984, có đăng ký kết hôn trễ hạn như Bà O trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, Ông D xác nhận quá trình chung sống thì vợ chồng có xảy ra bất đồng ý kiến, bất đồng quan điểm; Ông D thường hay uống rượu, vợ chồng thường xảy ra cự cãi và nhiều lần ẩu đã với nhau, sự việc trên đã xảy ra nhiều năm nay. Tuy nhiên, Ông D cho rằng mâu thuẫn trên chỉ là mâu thuẫn nhỏ, là chuyện bình thường của mỗi gia đình. Ông D vẫn còn tình cảm với Bà O nên không đồng ý ly hôn và yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ. Ông D xác nhận trường hợp đôi bên tiếp tục chung sống thì ông cũng không có giải pháp nào để giải quyết những mâu thuẫn của vợ chồng. Do thường xuyên cự cãi nên Ông D, Bà O đã ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay.

Về con chung: Có 03 người con tên Trần Thị H, sinh năm 1984; Trần Chí N, sinh năm 1986 và Trần Chí H, sinh năm 1991. Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông D, Bà O tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Bà O yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà O xin được ly hôn với Ông D.

Về con chung: Các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà O và Ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà O xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Ông D yêu cầu:

Về hôn nhân: Ông D không đồng ý ly hôn với Bà O và yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông D, Bà O tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Nhận định về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa Bà O, Ông D cùng xác nhận: Bà O và Ông D được người thân mai mối, đi đến tổ chức cưới vào năm 1984, có đăng ký kết hôn trễ hạn và được UBND xã VH, huyện VT (nay là huyện U M T), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/01/2002, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] *Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà O,* Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng Bà O, Ông D không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc: Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến, vợ chồng thiếu quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân là do Ông D sống thiếu trách nhiệm với vợ con, mọi việc đều do Bà O tự lo liệu; Ông D tính tình nóng nảy, thường xuyên uống rượu, nhiều lần có hành vi bạo lực và xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của Bà O. Tại phiên tòa Bà O thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Ông D cho rằng vẫn còn tình cảm với Bà O nên không đồng ý ly hôn và yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ. Tuy nhiên, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm nay nhưng đến thời điểm hiện tại Ông D vẫn không sửa đổi và cũng không có giải pháp nào giải quyết mâu thuẫn, để vợ chồng đoàn tụ, cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Mặt khác Bà O, Ông D đã ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà O và Ông D đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phân nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà O được ly hôn với Ông D. Bác yêu cầu của Ông D không đồng ý ly hôn với Bà O.

[3] *Về con chung:* Có 03 người con tên Trần Thị H, sinh năm 1984; Trần Chí N, sinh năm 1986 và Trần Chí H, sinh năm 1991. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung:* Bà O, Ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung:* Bà O, Ông D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà O phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị O và ông Trần Văn D.
2. Về con chung: Có 03 người con tên Trần Thị H, sinh năm 1984; Trần Chí N, sinh năm 1986 và Trần Chí H, sinh năm 1991. Các con đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét
3. Về tài sản chung: Bà O, Ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà O phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Bà O đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006585, ngày 03/7/2017 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, nên Bà O được khấu trừ.
6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- THA DS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Bùi Tấn Nghĩa